

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ DFVN-CAF NĂM TÀI CHÍNH 2023

I. Môi trường đầu tư năm 2023

Kinh tế Xã hội năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Khi xung đột địa chính trị giữa Nga và Ukraina chưa có dấu hiệu kết thúc, thì tiếp tục xảy ra thêm các cuộc giao tranh tại khu vực Trung Đông. Biến đổi khí hậu, thiên tai cũng đã tác động tiêu cực đến quá trình phục hồi của các nền kinh tế lớn trên thế giới. Lạm phát các quốc gia tăng cao trong phần lớn thời gian của năm 2023, tuy đã hạ nhiệt từ quý 3 nhưng vẫn còn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và tăng lãi suất; thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm; ảnh hưởng đến hoạt động xuất, nhập khẩu của nhiều khu vực trên thế giới. Nhiều quốc gia, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Đối với tình hình trong nước, Chính phủ đã tiếp tục áp dụng nhiều giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế như yêu cầu các Ngân hàng thương mại giảm mặt bằng lãi suất cho vay; thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế; ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực ưu tiên; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất... Tuy vậy khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế còn thấp so với các năm trước khi nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khá yếu, thị trường bất động sản vẫn tiếp tục trong xu thế khó khăn, hoạt động xuất nhập khẩu gặp nhiều thách thức dù đã bắt đầu phục hồi trong Quý 4.

Trong bối cảnh chung như vậy, kinh tế vĩ mô của Việt Nam được đánh giá ổn định và phục hồi tốt, tổ chức đánh giá tín nhiệm Fitch Ratings trong kỳ đánh giá tháng 12 năm 2023 đã nâng hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+, triển vọng “Ổn định”. Tính chung cả năm 2023, mặc dù GDP tăng trưởng 5,05%, chỉ cao hơn mức 2,87% và 2,55% của năm 2020 và năm 2021 trong cả giai đoạn 2011-2023, tuy nhiên xu hướng tăng trưởng là dần tích cực hơn với quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 3,41%, quý II tăng 4,25%, quý III tăng 5,47%, quý IV tăng 6,72%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2023 ghi nhận mức 683 tỷ USD, tương ứng suy giảm 6,6% so với năm 2022, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4%; nhập khẩu hàng hóa đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2023 ước tính xuất siêu kỷ lục 28 tỷ USD (so với mức suất siêu năm 2022 là 11,2 tỷ USD). Chỉ số quản trị mua hàng – PMI kỳ tháng 12 năm 2023 là tháng thứ 4 liên tiếp nằm dưới 50, ghi nhận ở mức 48,9; PMI cho thấy tình hình sản xuất trong năm 2023 còn nhiều khó khăn khi các doanh nghiệp đang thiếu hụt các đơn hàng, đồng thời khó khăn trong việc tăng giá bán bất chấp chi phí đầu vào tăng cao. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) của năm 2023 duy trì tích cực, số liệu cập nhật của Tổng Cục Thống Kê cho thấy tính đến ngày 20/12/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm trước. Trong khi đó, vốn thực hiện năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất trong 5 năm qua. Bên cạnh thu hút FDI, kiểm soát lạm phát của năm 2023 là điểm sáng tích cực, lạm phát tháng 12 tăng 0,12% so với tháng 11 và tương ứng

tăng 3,58% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung cả năm 2023, CPI tăng 3,25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, cùng với chi phí vốn thấp do lãi suất liên tục giảm trong năm 2023 đã giúp cho thị trường trái phiếu chính phủ sôi động. Tổng khối lượng phát hành trái phiếu chính phủ trong năm 2023 đạt 298.476 tỷ đồng, hoàn thành 97,86% kế hoạch sau điều chỉnh của Kho Bạc cho năm 2023, tăng 39,01% so với năm 2022. Lãi suất phát hành bình quân trong năm 2023 là 3,21% (giảm 27bps, từ mức 3,48% năm 2022).

II. Các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

	Tại ngày		
	31.12.2023	31.12.2022	31.12.2021
	%	%	%
1. Danh mục chứng khoán	94,13	93,00	91,92
2. Tiền và tương đương tiền	5,32	6,27	7,60
3. Tài sản khác	0,55	0,73	0,48
	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Tại ngày		
	31.12.2023	31.12.2022	31.12.2021
1. NAV của Quỹ (VNĐ)	161.351.154.608	132.813.824.473	155.356.470.595
2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng)	11.615.286,07	10.797.931,20	9.459.789,45
3. NAV của một đơn vị CCQ (VNĐ)	13.891,27	12.299,93	16.422,82
4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VNĐ)	14.664,51	16.789,71	16.605,09
5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VNĐ)	12.298,45	11.501,69	11.909,83
6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VNĐ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo (VNĐ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%)	12,94	(25,10)	30,05
9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VNĐ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VNĐ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12. Ngày chốt quyền	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,76	2,77	3,13
14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	213,79	192,58	267,95

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	12,94	12,94
3 năm	10,01	3,23
Từ khi thành lập	38,91	6,80

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	31.12.2023	31.12.2022	31.12.2021
Tỷ lệ tăng trưởng/1 đơn vị CCQ (%)	12,94	(25,10)	30,05

5. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

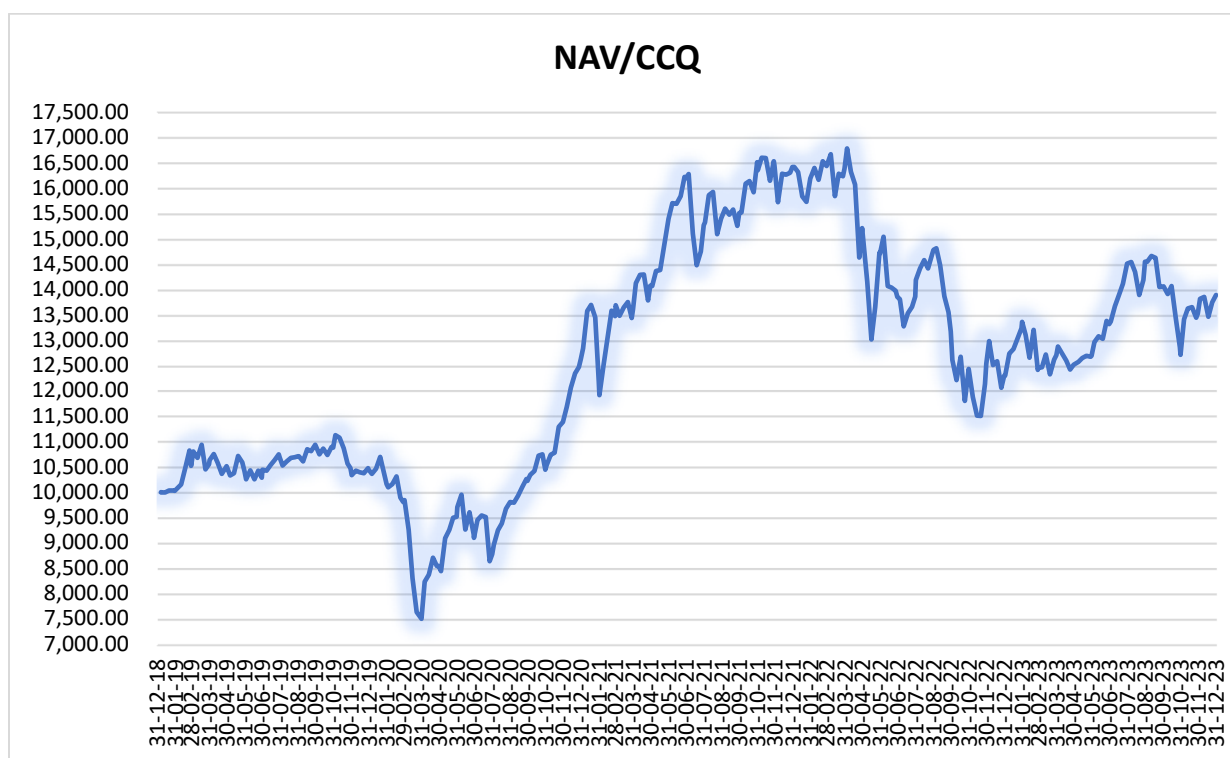
Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)



Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	12,94	10,01	38,91
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ	12,94	3,23	6,80
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (**)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng

(*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(**) Quỹ không có giá trị thị trường.



Thay đổi NAV:

Chỉ tiêu	31.12.2023	31.12.2022	Tỷ lệ thay đổi
	VND	VND	
NAV của Quỹ	161.351.154.608	132.813.824.473	21,49
NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”)	13.891,27	12.299,93	12,94

III. Thông tin về triển vọng thị trường

Nhìn chung thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023 tăng trưởng khá tích cực bất chấp nhiều khó khăn trải qua trong năm, tính chung cả năm Vn-index tăng 12,2% so với cuối năm 2022, thuộc nhóm thị trường tăng trưởng mạnh so với các thị trường khác trong khu vực Đông Nam Á. Thị trường trong giai đoạn cuối năm hiện phản ánh tâm lý lưỡng lự của các nhà đầu tư trước các rủi ro của thị trường và các cơ hội từ sự phục hồi của nền kinh tế của năm 2023 và 2024. Do đó thị trường có những giai đoạn tăng mạnh và giảm mạnh đan xen, có thời điểm thị trường tăng lên trên 22% so với năm 2022. Tuy nhiên giai đoạn cuối năm xu hướng thị trường đã dần ổn định hơn, biến động trong biên độ hẹp. Chỉ số VN-index đóng cửa ngày giao dịch cuối cùng 29 tháng 12 năm 2023 đạt gần 1.130 điểm từ mức 1.007 của cuối năm 2022. Số liệu của HOSE cho thấy vốn hóa thị trường đến cuối năm là hơn 191 tỷ USD, gần 45% so với quy mô GDP hiện hành năm 2023. Thanh khoản của thị trường trong năm cũng suy giảm khá mạnh, giá trị giao dịch bình quân giảm xuống còn 15.200 tỷ đồng/phiên từ mức 17.000 tỷ đồng/phiên của năm 2022, giảm hơn 10%. Mặt khác các nhà đầu tư nước ngoài đã tiếp tục rút ròng ra khỏi thị trường, đặc biệt là trong quý IV với tổng rút ròng 16.500 tỷ đồng trên tổng mức 24.000 tỷ đồng của cả năm 2023.

Tuy nhiên trong dài hạn dự kiến thị trường vẫn có nhiều động lực tăng trưởng mới như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp có thể được cải thiện, chính sách kích cầu, giảm gánh nặng thuế, phí đã được Chính phủ triển khai trong năm 2023 và tiếp tục kéo dài sang năm 2024. Chính sách tiền tệ được nới lỏng nhằm hỗ trợ thanh khoản, mặt bằng lãi suất cho vay đã xuống khá thấp tạo thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh. Các giải pháp làm minh bạch hóa thị trường nhằm hướng đến việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trong vài năm tới bắt đầu được kỳ vọng và thực thi. Tuy nhiên, nhiều khó khăn trước mắt vẫn còn đó như thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu do nhu cầu thế giới giảm hoặc do có sự thay đổi phân bổ lại giữa các khu vực, khả năng tiếp cận vốn tín dụng của doanh nghiệp bị hạn chế khi các Ngân hàng đã siết chặt các điều kiện cho vay.

Trong thực tế, luôn có những sự kiện xảy ra và ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường chứng khoán; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các biến cố thường mang tính chất ngắn hạn so với cả quá trình phát triển bền vững lâu dài của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế hoặc các sự kiện tiêu cực sẽ qua đi và dần được điều chỉnh để giúp nền kinh tế phục hồi. Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành nền kinh tế vượt qua các giai đoạn khó khăn. Vì vậy chúng tôi tin rằng với nhiều giải pháp hợp lý trong điều hành vĩ mô thời gian gần đây cũng như nỗ lực đẩy lùi các hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, điều hành giảm giá xăng dầu, thị trường chứng khoán sẽ dần phục hồi, niềm tin của nhà đầu tư trở lại cùng với triển vọng tích cực hơn thì thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng trong dài hạn. Các tổ chức quốc tế đều đồng thuận cho rằng nền kinh tế Việt Nam là điểm sáng hiếm hoi trong bối cảnh suy thoái toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam dự báo sẽ hồi phục dần và tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Trong trung dài hạn thị trường Chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ nhiều tiềm năng phát triển khi:

- Với môi trường kinh tế vĩ mô: Việt Nam được đánh giá phát triển ổn định thể hiện qua các tiêu chí như tăng trưởng GDP cao, lạm phát được kiểm soát ở mức vừa phải so với các quốc gia khác, tỷ giá giao động trong biên độ không quá lớn (dù có vài thời điểm và sự kiện đặc biệt làm tỷ giá biến



động mạnh nhưng chỉ trong thời gian khá ngắn), tình hình thu hút FDI vẫn được duy trì chưa có dấu hiệu tiêu cực,... Như vậy, nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục bước trên chu kỳ kinh tế đi lên.

- Về đánh giá Thị trường Chứng khoán: với định giá hợp lý và mức sinh lời hấp dẫn hơn so với các thị trường trong khu vực (chỉ số giá trên thu nhập P/E thấp hơn mức trung bình trong nhiều năm qua, và hấp dẫn hơn so với các thị trường khu vực trong khi mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE, mức sinh lời trên tài sản ROA khá cao). Tầng lớp trung lưu tăng lên và tham gia ngày càng nhiều vào thị trường chứng khoán, thể hiện qua số tài khoản mở mới tăng mạnh trong 2 năm qua.